

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 22 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03/7/2020
V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1988; Địa chỉ nơi cư trú: tổ 6, khu phố Trung L, thị trấn Chơn T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước;

*Bị đơn: Ông **Dương Văn Q**, sinh năm 1984; Địa chỉ nơi cư trú: tổ 6, khu phố Trung L, thị trấn Chơn T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2019. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu bà M và ông Q quyết định chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi

chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống bà M và ông Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, gây lộn nhau nguyên nhân là do ông Q thường hay nhậu nhẹt và bạo lực. Do luôn phải sống trong cảnh bạo lực khiến sức khỏe và tinh thần bà M không tốt và cảm thấy rất chán nản. Nay bà M cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Q.

Về con chung: có 03 con chung tên Dương Kiều M1, sinh ngày 03/5/2009, Dương Thế P, sinh ngày 02/01/2012, Dương Thế V, sinh ngày 02/01/2012. Trước đây bà M yêu cầu giải quyết nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nhưng nay bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nữa mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Văn Q trình bày

Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà M chung sống chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống giữa ông Q và bà M cũng có xảy ra xô xát, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Bà M yêu cầu ly hôn thì ông Q không đồng ý vì ông Q vẫn còn thương vợ con và muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con.

Về con chung: có 03 con chung Dương Kiều M1, sinh ngày 03/5/2009, Dương Thế P, sinh ngày 02/01/2012, Dương Thế V, sinh ngày 02/01/2012. Trước đây bà M yêu cầu nuôi 03 con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng thì ông Q đồng ý với yêu cầu của bà M nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q không có kiến gì.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị M không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Ông Q có đơn xin vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 51, 56, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà M được ly hôn với ông Q.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trần Thị M, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Dương Văn Q có nơi cư trú tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Dương Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Bà Trần Thị M và ông Dương Văn Q tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà M cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, gây lộn nhau nguyên nhân do ông Q thường hay nhậu nhẹt và bạo lực. Do phải sống trong cảnh bạo lực khiến sức khỏe và tinh thần bà M không tốt và cảm thấy rất chán nản. Ông Q cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho bà M, ông Q nhưng ông Q xin vắng mặt không tham gia phiên hòa giải, còn bà M vẫn

cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, cả bà M và ông Q đều thống nhất vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát nhau. Hiện nay vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa và cũng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà M cho bà M được ly hôn với ông Q.

[6] Về con chung: Bà M và ông Q có 03 con chung tên Dương Kiều M1, sinh ngày 03/5/2009, Dương Thế P, sinh ngày 02/01/2012, Dương Thế V, sinh ngày 02/01/2012. Do bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: bà M, ông Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không có

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà M phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận cho bà Trần Thị M được ly hôn với ông Dương Văn Q.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: không có.

5. Đình chỉ yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của bà Trần Thị M.

6. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004119 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã Nha Bích-Chơn Thành-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

VÕ VĂN VÂN